

Bản án số: 70/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2026

Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thiện và bà Phạm Thị Sâm;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phùng Lê Lâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
Có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu N có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, bà với ông N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, trong quá trình chung sống với nhau

thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn càng thẳng kéo dài cho đến nay nhưng vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng Hn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

- Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng: Bà và ông Nguyễn Hữu N có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh Uyên, sinh ngày 08/10/2011 và Nguyễn Hữu Thanh Duy, sinh ngày 23/02/2017.

Bà có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu Uyên và cháu Duy cho đến khi hai cháu tHnh niên và tự lập được. Bà không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của bà là lao động tự do. Thu nhập bình quân Hng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Bà đảm bảo đủ sức khỏe và điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu N có ý kiến trình bày: Ông thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa ông và bà H chưa nghiêm trọng, chưa tới mức phải ly hôn nên ông N muốn vợ chồng hòa thuận để nuôi dưỡng các con, trường hợp bà H không đồng ý vẫn muốn tiếp tục yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông nhất trí ly hôn. Ông có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu Uyên và cháu Duy. Ông không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có ý kiến tại phiên tòa.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Gia Lai:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp Hnh đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp Hnh các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Hữu N là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì bà H và ông N

phát sinh mâu thuẫn, bà H không còn tình cảm với ông N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng bà H không còn mong muốn chung sống, không còn tình cảm để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân cùng ông N nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị H.

+ Về con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Khánh Uyên, sinh ngày 08/10/2011 và Nguyễn Hữu Thanh Duy, sinh ngày 23/02/2017 cho đến khi hai cháu thành niên và tự lập được. Bà không yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Uyên và cháu Duy có nguyện vọng được sống cùng bà H. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Uyên và cháu Duy cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên và tự lập được là phù hợp. Không buộc ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật về nộp ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Hữu N có địa chỉ tại Đường Võ Thị Sáu, tổ dân phố 1, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng Hình chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Nguyên đơn bà Trịnh Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Hữu N có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân. Năm 2010, bà H và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai). Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng phát sinh trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N cũng đã có ý kiến trình bày thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa ông và bà H chưa nghiêm trọng, chưa tới mức phải ly hôn nên ông N muốn vợ chồng hòa thuận để nuôi dưỡng các con, trường hợp bà H không đồng ý vẫn muốn tiếp tục yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông nhất trí ly hôn.

Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, ông N không quan tâm đến quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng bà H không còn tình cảm và không còn mong muốn chung sống cùng ông N để cùng nhau yêu thương, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân. Như vậy, bà H và ông N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Hữu N có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh Uyên, sinh ngày 08/10/2011 và Nguyễn Hữu Thanh Duy, sinh ngày 23/02/2017.

Bà H có nguyện vọng mong muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Uyên và cháu Duy cho đến khi hai cháu thành niên và tự lập được.

Xét thấy, cháu Uyên và cháu Duy có nguyện vọng mong muốn được ở cùng với bà H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông N đều vắng mặt. Thể hiện, ông N không quan tâm đến trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà H là chính đáng. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cháu Uyên và cháu Duy cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách nH nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng Hnh chính, luật tư pháp người chưa tHnh niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

- Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khánh Uyên, sinh ngày 08/10/2011 và cháu Nguyễn Hữu Thanh Duy, sinh ngày 23/02/2017 cho bà Trịnh Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chưa tHnh niên, đã tHnh niên mà mất năng lực Hnh vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để nộp Ngân sách nH nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà

H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002093 ngày 12/3/2026 của Thi Hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8 - Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt

